

Số: 31 /QĐ - THCSNCM

An Thái, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

của Trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHUYÊN MỸ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 7268/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện An Lão về việc giao dự toán thu – chi ngân sách năm 2025 cho các phòng, ban, ngành các xã, thị trấn và các đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ (theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Hành chính Văn phòng, bộ phận Tài vụ - Kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng sư phạm nhà trường;
- Lưu: VT.



Phạm Thanh Thúy

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018
của Bộ Tài chính*

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 7268/QĐ- UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện An Lão)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: - Chi lương/CCTL	
	- Chi CMNV+CVVC	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.527.000.000



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Trong đó: + Chi lương	5.835.000.000
	+Chi CMNV+CSVC	692.000.000
	- Chi thu nhập tăng thêm + chi khác cho cá nhân	100.000.000
	- Chi công tác phí	15.000.000
	- Chi phí thuê hợp đồng bảo vệ, tạp vụ + khác (nếu có)	120.000.000
	- Chi phí dịch vụ sử dụng (điện, nước, cước điện thoại, internet)	90.000.000
	- Chi phúc lợi, khen thưởng	150.000.000
	- Chi sửa chữa, mua sắm CSVC	150.000.000
	- Chi chuyên môn, nghiệp vụ khác	67.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	517.000.000
	- Quỹ khen thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP	367.000.000
	- Chi mua sắm cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ	150.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	

H. A
MỤC
3 HC
MCH

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 20 tháng 01 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Thúy



BIỂU SỐ: 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
ĐƠN VỊ: TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN CHUYÊN MỸ
MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1070737

(Kèm theo Quyết định số: 7268 / QĐ-UBND ngày 19/ 12/ 2024 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-073)	7.044.000.000	
1. Kinh phí tự chủ	6.527.000.000	
Chi lương + Các khoản theo lương	5.835.000.000	
Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	692.000.000	
2. Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/ 2024/ NĐ-CP	367.000.000	
Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/ 2024/ NĐ-CP	367.000.000	
3. Kinh phí không tự chủ	150.000.000	
Chi mua sắm cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ	150.000.000	